Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8540.40.10

Mã HS	8540.40.10
Mô tả hàng hóa	Đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, ca-tốt lạnh hoặc ca-tốt quang điện (ví dụ, đèn điện tử và ống đèn chân không hoặc nạp khí hoặc hơi, đèn và ống điện tử chỉnh lưu hồ quang thủy ngân, ống điện tử dùng tia ca-tốt, ống điện tử camera truyền hình) / - Ống hiển thị dữ liệu/đồ họa, đơn sắc; ống hiển thị/đồ họa, loại màu, với điểm lân quang có bước nhỏ hơn 0,4 mm: / - - Ống hiển thị dữ liệu/đồ họa, loại màu, của loại dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 85.25
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	30/10/2026 16:32:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85404010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15962
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15962
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15962
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15305
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15234
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15234
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15234
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15234
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15234
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15234
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15290
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15290
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15290
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15290

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15290
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15290
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15291
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15291
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15291
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15291
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15291
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15291
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15292
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15240
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15248
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15248
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15248
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15248
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15248
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15248
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15288
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15288
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15288
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15288
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15288
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15288
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15350
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15350
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15350
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15350

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15350
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15350
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15324
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15324
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15324
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15324
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15324
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15324
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15327
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15327
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15327
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15327
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15327
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15327
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15333
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15333
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15333
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15333
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15333
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15333
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15332
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15332
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15332
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15332
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15332
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15332

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15321
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15321
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15321
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15321
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15321
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15321
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15321
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15315
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15315
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15315
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15315
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15315
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15315
RCEP B	2022	2022	0	B!D15315
RCEP B	2023	2023	0	B!E15315
RCEP B	2024	2024	0	B!F15315
RCEP B	2025	2025	0	B!G15315
RCEP B	2026	2026	0	B!H15315
RCEP B	2027	2027	0	B!I15315
RCEP C	2022	2022	0	C!D15315
RCEP C	2023	2023	0	C!E15315
RCEP C	2024	2024	0	C!F15315
RCEP C	2025	2025	0	C!G15315
RCEP C	2026	2026	0	C!H15315
RCEP C	2027	2027	0	C!I15315
RCEP D	2022	2022	0	D!D15314

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15314
RCEP D	2024	2024	0	D!F15314
RCEP D	2025	2025	0	D!G15314
RCEP D	2026	2026	0	D!H15314
RCEP D	2027	2027	0	D!I15314
RCEP E	2022	2022	0	E!D15318
RCEP E	2023	2023	0	E!E15318
RCEP E	2024	2024	0	E!F15318
RCEP E	2025	2025	0	E!G15318
RCEP E	2026	2026	0	E!H15318
RCEP E	2027	2027	0	E!I15318
RCEP F	2022	2022	0	F!D15315
RCEP F	2023	2023	0	F!E15315
RCEP F	2024	2024	0	F!F15315
RCEP F	2025	2025	0	F!G15315
RCEP F	2026	2026	0	F!H15315
RCEP F	2027	2027	0	F!I15315
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14283
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14283
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14283
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14283

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8540.40 có 2 dòng thuế; dòng 8540.40.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Ống hiển thị dữ liệu/đồ họa, loại màu, của loại dùng cho hàng hóa thuộc nhóm 85.25.	8540.40.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8540.40.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8540.40.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15962), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.